

Số: /GCN-QLCL

Hà Nội, ngày tháng năm

**GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG THỬ NGHIỆM**

Căn cứ Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp và Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành;

Căn cứ Quyết định số 1120/QĐ-BNN-TCCB ngày 31/3/2017 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản; Căn cứ Quyết định số 2937/QĐ-BNN-TCCB ngày 03/8/2020 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi Điều 3 Quyết định số 1120/QĐ-BNN-TCCB ngày 31/3/2017;

Xét hồ sơ đăng ký hoạt động thử nghiệm ngày 12/8/2020 của Trạm Chẩn đoán xét nghiệm và Điều trị động vật thuộc Chi cục Chăn nuôi và Thú y Tp. Hồ Chí Minh;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra, Pháp chế và Đánh giá sự phù hợp, Cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản chứng nhận:

**1. Trạm Chẩn đoán xét nghiệm và Điều trị bệnh động vật
thuộc Chi cục Chăn nuôi và Thú y Thành phố Hồ Chí Minh**

Địa chỉ: Số 128 Trần Quý, Phường 6, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: 028.39555623

Email: cdxn@chicucntyhcm.gov.vn

Đã đăng ký hoạt động thử nghiệm đối với ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn trong lĩnh vực thử nghiệm **Hóa học, sinh học** đối với sản phẩm: thức ăn chăn nuôi, thực phẩm, xét nghiệm bệnh, thuốc thú y (Danh mục tên sản phẩm, tên phép thử, phương pháp thử tương ứng theo Phụ lục kèm theo Giấy chứng nhận này)

2. Số đăng ký: TN 13 - 18 BNN

3. Giấy chứng nhận được cấp lần 1 (01), có hiệu lực 05 năm kể từ ngày ký./.

(Lưu ý: hồ sơ cấp đăng ký hoạt động thử nghiệm kèm Quyết định công nhận số 610.2020/QĐ-VPCNCL ngày 23/7/2020 có hiệu lực đến ngày 16/5/2021).

Nơi nhận:

- Như mục 1;
- Cục trưởng (để b/c);
- Bộ Khoa học và Công nghệ (để b/c);
- Vụ KH,CN&MT;
- Cục: Chăn nuôi, Cục Thú y (để biết);
- Trung tâm Tin học và Thống kê;
- Lưu: VT, TTPC.

**KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG**

Phùng Hữu Hòa

Phụ lục
DANH MỤC CÁC SẢN PHẨM, HÀNG HÓA VÀ PHÉP THỬ
ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG THỬ NGHIỆM

(Kèm theo Giấy chứng nhận số: /GCN-QLCL ngày tháng 8 năm 2020 của
Cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản)

TT	Lĩnh vực/ Tên sản phẩm	Tên phép thử	Phương pháp thử
I	Lĩnh vực Hóa học		
1	Nước đá sử dụng để bảo quản, chế biến sản phẩm thuộc lĩnh vực được phân công quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Xác định pH	TCVN 6492: 2011
2		Xác định hàm lượng tổng Canxi và Magiê Phương pháp chuẩn độ EDTA	TCVN 6224: 1996
3		Xác định hàm lượng Clorua Phương pháp Mohr's	TCVN 6194: 1996
4		Xác định dư lượng sắt Phương pháp trắc phổ dùng thuốc thử 1,10-phenantrolin	TCVN 6177: 1996
5		Xác định hàm lượng Nitrat Phương pháp đo quang	TCVN 6180: 1996
6		Xác định hàm lượng Nitrit tính theo nitơ Phương pháp đo quang	TCVN 6178: 1996
7	Sản phẩm từ thịt	Xác định hàm lượng Natri Benzoat và Kali Sorbat Phương pháp HPLC/UV-Vis	HD 05/SPT 20 (2018) (reference TCVN 8122: 2009)
8	Thức ăn chăn nuôi, thịt, nước tiểu	Xác định hàm lượng Ractopamin Phương pháp ELISA	HD.05/SPT.13 (2017) (ELISA Test Kit Manual-1008-03)
9		Xác định hàm lượng Beta-agonist (Clenbuterol, Salbutamol, Carbuterol) Phương pháp ELISA	HD.05/SPT.14 (2012) (ELISA Test Kit Manual-V0902)
10	Thịt	Xác định dư lượng Sulfamethazine Phương pháp ELISA	HD 05/Elisa.09 (2018) (ELISA Test Kit Manual-1011-02)
11	Thịt, Sữa tươi nguyên liệu	Xác định dư lượng Streptomycin Phương pháp ELISA	HD 05/Elisa.17 (2017) (ELISA test kit Manual 1014 01)
12	Sữa tươi nguyên liệu	Xác định dư lượng Aflatoxin M1 Phương pháp HPLC/FLD	HD 05/SPS.04 (2018) (ref. TCVN 6685: 2009)
13		Xác định dư lượng Aflatoxin M1 Phương pháp ELISA	HD 05/S.08 (2016) (ELISA Test kit Plus 100/2000)

14	Thức ăn chăn nuôi	Xác định dư lượng Aflatoxin B ₁ , B ₂ , G ₁ , G ₂ Phương pháp HPLC/FLD	HD.05/TACN.10 (2018)
15	Nước tiểu	Xác định dư lượng Acepromazin Phương pháp ELISA	HD 05/Elisa.10 (2018) (<i>ELISA Test Kit Manual-5014</i>)
16	Thịt, trứng, thức ăn chăn nuôi	Xác định dư lượng Tylosin Phương pháp ELISA	HD 05/Elisa.05 (2018) (<i>ELISA test kit Manual 1026-01</i>)
17	Thịt, Sữa tươi nguyên liệu	Xác định dư lượng Tetracyclin (Tetracyclin, Oxytetracyclin, Chlotetracyclin) Phương pháp ELISA	HD 05/Elisa.08 (2018) (<i>ELISA test kit Manual 1081-01</i>)
18	Thức ăn chăn nuôi	Xác định độ ẩm và các chất bay hơi khác	TCVN 4326 : 2001
19		Xác định hàm lượng nitơ và tính hàm lượng protein thô Phương pháp Kjedal	TCVN 4328-1: 2007
20		Xác định tro thô	HD 05/TACN 14 (2019) (<i>Ref. TCVN 4327:2007</i>)
21		Xác định hàm lượng phospho Phương pháp đo quang	TCVN 1525:2001
22		Xác định hàm lượng Canxi Phương pháp đo quang	TCVN 1526-1:2007
23	Thức ăn chăn nuôi	Xác định hàm lượng tro không tan trong acid hydrochloric Phương pháp khối lượng	TCVN 9474: 2012
24		Xác định hàm lượng xơ thô Phương pháp khối lượng	TCVN 4329:2007
25		Xác định hàm lượng chất béo thô Phương pháp khối lượng	TCVN 4331:2001
26		Xác định hàm lượng nitơ amoniac Phương pháp chuẩn độ	TCVN 10494:2014
27	Sữa tươi nguyên liệu	Xác định hàm lượng béo Phương pháp khối lượng	TCVN 6508:2011
28		Xác định hàm lượng chất khô tổng số Phương pháp khối lượng	TCVN 8082:2013
29		Xác định hàm lượng nitơ Phần 1: nguyên tắc Kjeldahl và tính protein thô	TCVN 8099-1:2015

30	Sữa tươi nguyên liệu	Xác định hàm lượng protein, Vật chất khô, Độ béo, Tỷ trọng Phương pháp đo nhanh bằng máy Lactoscan MCC	HD.05/QM-CLS (2017)
31		Xác định tổng số tế bào Soma Phương pháp huỳnh quang điện tử	HD.05/QM (2017)
32	Thịt, Sữa tươi nguyên liệu	Xác định hàm lượng Tetracycline (Tetracyclin, Oxytetracyclin, Chlotetracyclin) Phương pháp HPLC/UV-vis	HD 05/SPT.09 (ref.TCVN 8748:2011)
33	Thịt	Xác định hàm lượng Sulfadimidin Phương pháp HPLC/UV-vis	HD 05/SPT 19 (2019)
34	Thịt, tôm, thức ăn chăn nuôi	Xác định dư lượng Chloramphenicol Phương pháp ELISA	HD 05/Elisa.04 (2014) (<i>ELISA test kit Manual 1013</i>)
35	Thịt, Sữa tươi nguyên liệu	Xác định hàm lượng Colistin Phương pháp ELISA	HD 05/Elisa.06 (2014) (<i>ELISA test kit Manual 1095-01</i>)
36	Thịt, thức ăn chăn nuôi	Xác định dư lượng Furazolidon (AOZ) Phương pháp ELISA	HD 05/Elisa.07 (2019) (<i>ELISA test kit Manual 1015-02</i>)
37	Thịt, Sữa tươi nguyên liệu	Xác định dư lượng Tylosin Phương pháp ELISA	HD 05/Elisa.18 (2019) (<i>ELISA test kit Manual AB620</i>)
38		Xác định dư lượng Amoxicillin Phương pháp ELISA	HD 05/Elisa.12 (2019) (<i>ELISA test kit Manual 1065 –01D</i>)
39	Sữa tươi nguyên liệu	Xác định hàm lượng Sulfadimidin (Sulfamethazin) Phương pháp ELISA	HD 05/Elisa.09 (2018) (<i>ELISA test kit Manual 1011</i>)
40	Thịt, nước tiểu	Xác định dư lượng Acepromazin Phương pháp HPLC/UV-vis	HD 05/SPT 21 (2019)
41	Thuốc thú y	Xác định hàm lượng Amoxicillin Phương pháp HPLC/UV-Vis	HD.05/TTY.20 (2014) (ref. USP 30 NF 25)
42		Xác định hàm lượng Norfloxacin Phương pháp HPLC/UV-Vis	HD.05/TTY.18 (2014) (ref. USP 30 NF 25)

43		Xác định hàm lượng Enrofloxacin Phương pháp HPLC/UV-Vis	HD 05/TTY.22 (2012)
II	Lĩnh vực sinh học		
1	Thịt, sản phẩm thịt; Dụng cụ, vật liệu bao gói, chứa đựng thực phẩm trong quá trình sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Định lượng vi sinh vật Đếm khuẩn lạc ở 30 ⁰ C bằng kỹ thuật đổ đĩa	TCVN 4884-1:2015 (ISO 4833-1: 2013)
2		Định lượng vi sinh vật Đếm khuẩn lạc ở 30 ⁰ C bằng kỹ thuật cấy bề mặt	TCVN 4884-2: 2015 (ISO 4833-2: 2013)
3		Định lượng <i>Escherichia coli</i> cho phản ứng dương tính với β -glucuronidase Kỹ thuật đếm khuẩn lạc ở 44 ⁰ C sử dụng 5-bromo-4-chloro-3-indolyl β -D-glucuronide	TCVN 7924-2: 2008 (ISO 16649-2: 2001)
4	Thịt và sản phẩm thịt	Phát hiện <i>Salmonella</i> spp Phương pháp phát hiện <i>Salmonella</i> trên đĩa thạch	TCVN 10780-1:2017 (ISO 6579: 2017)
5		Định lượng tổng vi sinh vật hiếu khí Phương pháp sử dụng đĩa đếm petrifilm	TCVN 9977:2013 AOAC 990.12
6		Định lượng Coliform và <i>Escherichia coli</i> . Phương pháp sử dụng đĩa đếm petrifilm	TCVN 9975:2013 AOAC 991.14
7	Thịt	Định lượng <i>Enterobacteriaceae</i> Phương pháp sử dụng đĩa đếm petrifilm	TCVN 9980:2013 (AOAC 2003.01)
8	Sữa tươi nguyên liệu	Định lượng tổng vi sinh vật hiếu khí Phương pháp petrifilm	TCVN 9977:2013
9	Phôi, hạch lympho, lách, hạch amidal, máu, huyết thanh heo	Phát hiện virus gây hội chứng rối loạn hô hấp và sinh sản trên heo (PRRS) chủng độc lực cao / dòng Châu Âu / dòng Bắc Mỹ Kỹ thuật Real-time RT-PCR	TCVN 8400-21:2014
10	Não động vật	Xét nghiệm virus Đại Kỹ thuật miễn dịch huỳnh quang	HD/PPT 01 (2015) (OIE Terrestrial Manual, 2013; chapter 2.1.17: Rabies (Infection with Rabies Virus))

11	Huyết thanh Chó, mèo	Phát hiện kháng thể kháng virus Đại Kỹ thuật ELISA	HD/PPT 53 (2015) (OIE Terrestrial Manual, 2013; chapter 2.1.17: Rabies (Infection with Rabies Virus))
12	Não, phổi, khí quản, lách, ruột gia cầm	Phát hiện virus cúm gia cầm type A / subtype H5, N1 Kỹ thuật Real-time RT-PCR	TCVN 8400-26:2014
13	Máu bò toàn phần	Phát hiện kháng thể kháng vi khuẩn <i>Mycobacterium bovis</i> Kỹ thuật ELISA	HD/PPT 10 (OIE Terrestrial Manual, 2015; chapter 2.4.6: Bovine Tuberculosis) (2015)
14	Huyết thanh, huyết tương bò	Phát hiện kháng thể kháng vi khuẩn <i>Mycobacterium bovis</i> Kỹ thuật ELISA	HD/PPT 58 (OIE Terrestrial Manual, 2015; chapter 2.4.6: Bovine Tuberculosis) (2017)
15	Não, hạch amidal, hạch bạch huyết, lách, máu, ruột, thận heo	Phát hiện virus Dịch tả heo Kỹ thuật Real-time RT-PCR	TCVN 5273:2010
16	Huyết thanh gia cầm	Phát hiện kháng thể kháng virus Cúm gia cầm tít A subtype H5 Kỹ thuật ngăn trở ngưng kết hồng cầu	TCVN 8400-26:2014
17	Ruột non, phân heo	Phát hiện virus gây bệnh tiêu chảy trên heo do Coronavirus (PED) Kỹ thuật Real-time RT-PCR	TCVN 8400-38:2015
18	Dịch mũi heo	Phát hiện virus cúm heo type A Kỹ thuật Real-time RT-PCR	TCVN 8400-25:2014
19	Huyết thanh heo	Phát hiện kháng thể kháng virus Dịch tả heo châu Phi Kỹ thuật ELISA	HD 06/PPT 59 (2019)
20	Máu, bệnh phẩm heo	Phát hiện virus Dịch tả heo Châu Phi Kỹ thuật realtime PCR	TCCS 01:2018/TY-DT (2019)
21	Huyết thanh chó mèo	Phát hiện kháng thể kháng virus Đại Kỹ thuật ELISA (kit BioRad)	HD 06/PPT 03 (2019)
22	Não động vật	Phát hiện virus Đại Kỹ thuật RT-PCR	HD 06/PPT 61 (2019)
23	Huyết thanh gà	Phát hiện kháng thể kháng virus Newcastle Kỹ thuật ngăn trở ngưng kết hồng cầu	TCVN 8400-4:2010
24	Máu gia súc	Phát hiện ký sinh trùng đường máu (Babesia, Anaplasma) Kỹ thuật nhuộm Giemsa	HD 08/PPT.01 (2018)
25	Phân gia súc	Phát hiện ký sinh trùng đường ruột (Giun móc, giun đũa, sán dây) Kỹ thuật lắng gạn và phù nổi	HD 09/PPT.01 (2018)
26	Tôm giống, tôm thương phẩm	Phát hiện virus gây hội chứng đốm trắng Kỹ thuật Real-time PCR	HD 12/PPT.14 (2019) (ref TCCS 01:2018 TY -TS Cục Thú y)

27	Tôm giống, thương phẩm	tôm	Phát hiện vi khuẩn <i>Vibrio parahaemolyticus</i> gây bệnh hoại tử gan tụy cấp tính (AHPND/EMS) Kỹ thuật Real-time PCR	HD 12/PPT.13 (2017) (ref. TCCS 01: 2016/TY-TS Cục Thú y)
28			Phát hiện virus gây bệnh hoại tử dưới vỏ và cơ quan tạo máu (IHHNV) Kỹ thuật PCR	HD 12/PPT.03 (2017) (ref. TCCS 02: 2016/TY-TS Cục Thú y)
29	Tôm giống, thương phẩm	tôm	Phát hiện virus gây hội chứng đốm trắng (WSSV) trên tôm Kỹ thuật nested PCR	HD 12/PPT.01 (2017) (ref. IQ2000™ WSSV Detection and Prevention System Instruction manual)
30	Cá		Phát hiện Koi Herpes virus (KHV) Kỹ thuật Real-time PCR	HD 12/PPT.17 (2017) (OIE, 2017. Manual of Diagnostic Tests for Aquatic Animals, Chapter 2.3.7 Koi herpesvirus disease.)
31	Nghêu và các loài nhuyễn thể khác	loài	Phát hiện <i>Perkinsus</i> sp Phương pháp nuôi cấy Ray's fluid thioglycolate medium (FTM)	HD 12/PPT.09 (2017) (OIE, 2017. Manual of Diagnostic Tests for Aquatic Animals, Chapter 2.4.6 Infection with <i>Perkinsus marinus</i> .)
32	Tôm		Phát hiện <i>Enterocytozoon hepatopenaei</i> (EHP) Kỹ thuật Real-time PCR	HD 12/PPT.15 (2018) (IQ REAL™ EHP Instruction Manual)
33	Họ cá rô phi		Phát hiện Tilapia lake virus (TiLV) Kỹ thuật Semi-nested Reverse	HD 12/PPT.18 (2018)
34	Máu động vật		Số lượng hồng cầu Phương pháp Trở kháng	HD 08/PPT 04 (2019)
			Số lượng bạch cầu Phương pháp Trở kháng	HD 08/PPT 04 (2019)
			Thế tích trung bình hồng cầu Phương pháp Trở kháng	HD 08/PPT 04 (2019)
			Lượng huyết sắc tố (HGB) Phương pháp đo quang	HD 08/PPT 04 (2019)
35	Vi khuẩn phân lập từ mẫu bệnh phẩm động vật		Kháng sinh đồ Kỹ thuật khuếch tán khoan giấy kháng sinh trên thạch	HD 07/PPT01 (2019)

Ghi chú:

- Đối với các sản phẩm, hàng hóa, chỉ tiêu/phép thử phục vụ quản lý nhà nước phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chỉ định trước khi thực hiện.

- HD xx/PPT xx; HD xx/SPT xx; HD xx/TTY xx; HD xx/TACN xx: là phương pháp thử do phòng thử nghiệm xây dựng.